TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-ĐỒNG THÁP** Bản án số: 168/2026/DS-ST Ngày: 05-05-2026 V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Tuyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Bé**.
2. Ông **Trần Văn Bé Ba**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Việt Phương**, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 461/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số: 102/2026/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2026, thông báo dời phiên tòa số 06/TB-TA ngày 16 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Ngô Thị Hồng T**, sinh năm 1976;

Căn cước công dân số: 082176019491

Địa chỉ: ấp L, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Chị **Nguyễn Thị Kiều O**, sinh năm 2002;

+ Anh **Võ Đức T1**, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ liên hệ: Số G, khu phố H, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp L, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

***** Người làm chứng:

- Bà **Võ Thị V**, sinh năm 1956;

Địa chỉ: khu phố L, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà **Lâm Thị Kiều O1**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: số B L, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

(có mặt người đại diện ủy quyền anh T1, vắng mặt bị đơn, người làm chứng xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 11/8/2025, đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 19/01/2026 nguyên đơn Ngô Thị Hồng T và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Phía nguyên có thay đổi so với đơn khởi kiện do có sự nhầm lẫn về số kỳ hụi chết và thời điểm hốt hụi đối với 02 dây hụi mà bà Nguyễn Thị Q tham gia, đã được trình bày trong đơn khởi kiện trước đây, cụ thể:

"Ngày 10/02/2023 (âm lịch) chị T khui 01 dây hụi loại hụi 2.000.000đồng/tháng, gồm 22 phần, hụi mãn vào ngày 10/11/2024, bà Q tham gia chơi 01 phần. Bà Q bỏ hụi và đã hốt hụi vào kỳ hụi thứ nhất, quá trình đóng hụi bà Q còn nợ chị T 13 kỳ hụi chết với số tiền là 13 kỳ x 2.000.000 đồng = 26.000.000 đồng.

Ngày 24/10/2023 (âm lịch) tôi khui 01 dây hụi loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 21 phần, hụi mẫn vào ngày 24/7/2025, bà Q tham gia chơi 01 phần. Bà Q bỏ hụi và đã hốt hụi vào kỳ hụi thứ nhất, quá trình đóng hụi bà Q còn nợ chị T 5 kỳ hụi chết với số tiền là 5 kỳ x 2.000.000 đồng -10.000.000 đồng."

Nay chị T xin đính chính lại nội dung của 02 dây hụi trên đúng với thực tế như sau:

- Ngày 10/02/2023 (âm lịch) chị T khui 01 dây hụi loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 22 phần, hụi mãn vào ngày 10/11/2024, bà Q tham gia chơi 01 phần. Bà Q bỏ hụi và đã hốt hụi vào kỳ hụi thứ hai, quá trình đóng hụi bà Q còn nợ chị T 04 kỳ hụi chết với số tiền là 04 kỳ x 2.000.000 đồng = 8.000.000 đồng.

Ở dây hụi này khi hốt bà Q có ký tên vào danh sách hụi.

- Ngày 24/10/2023 (âm lịch) chị T khui 01 dây hụi loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 21 phần, hụi mãn vào ngày 24/7/2025, bà Q tham gia chơi 01 phần. Bà Q bỏ hụi và đã hốt hụi vào kỳ hụi thứ nhất, quá trình đóng hụi bà Q còn nợ chị T 13 kỳ hụi chết với số tiền là 13 kỳ x 2.000.000 đồng = 26.000.000 đồng.

Tổng cộng bà Q còn nợ chị T số tiền nợ hụi là 34.000.000 (ba mươi bốn triệu) đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện về khoản vay 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng thì bà Q mượn chị T vào tháng 10/2023, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng thời hạn 1 tháng nhưng khi đến hạn bà Q không trả (đối với số tiền này chị T có ghi âm lại khi đòi).

Nay chị T yêu cầu:

- Buộc bà Nguyễn Thị Q trả cho chị T số tiền hụi 34.000.000 đồng và số tiền nợ vay 20.000.000 đồng, tổng cộng bà Q phải trả cho chị T số tiền 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng). Thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Q đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng liên quan vụ án, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà Q không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không phản đối tài liệu chứng cứ nguyên đơn đưa ra, đồng thời không cung cấp tài liệu chứng cứ.*

- Người làm chứng Lâm Thị Kiều O1 trình bày: Bà có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ thảo hụi. Cụ thể, bà tham gia dây hụi 2.000.000 đồng/tháng gồm 22 phần, được khui ngày 10/02/2023 âm lịch và mãn hụi ngày 10/11/2024 âm lịch. Bà được biết dây hụi này bà Nguyễn Thị Q hay gọi Tám Q có tham gia 01 phần, hốt kỳ thứ 2 với số tiền 33.300.000 đồng. Bà T có giao hụi cho bà Q số tiền trên, khi bà T giao hụi bà có chứng kiến, còn việc bà Q có đóng hụi chết hay không thì bà không biết.

- Người làm chứng Võ Thị V trình bày: Bà có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ thảo hụi. Cụ thể, bà tham gia dây hụi 2.000.000 đồng/tháng gồm 21 phần, được khui ngày 24/10/2023 âm lịch và mãn hụi ngày 24/7/2025 âm lịch. Bà được biết dây hụi này bà Nguyễn Thị Q hay gọi Tám Q có tham gia 01 phần, hốt kỳ thứ 1 với số tiền 27.600.000 đồng. Bà T có giao hụi cho bà Q số tiền trên, khi bà T giao hụi bà có chứng kiến, còn việc bà Q có đóng hụi chết hay không thì bà không biết.

*** Tại phiên tòa:**

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 20.000.000 đồng và số tiền nợ hụi 26.000.000 đồng đối với dây hụi 24/10/2023, chị T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi còn nợ 8.000.000 đồng đối với dây hụi 10/02/2023, yêu cầu bà Q trả khi án có hiệu lực, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn vắng mặt nên không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ người tham gia tố tụng đúng luật định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút lại một phần khởi kiện và qua tài liệu chứng cứ trong hồ sơ đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Hồng T. Buộc bà Nguyễn Thị Q trả cho bà T số tiền nợ hụi 8.000.000 đồng của dây hụi ngày 10/02/2023 (âm lịch). Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Hồng T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Q trả số tiền vay 20.000.000 đồng và số tiền nợ hụi 26.000.000 đồng của dây hụi ngày 24/10/2023 (âm lịch), do bà T

rút yêu cầu tại phiên tòa. Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Tư cách bị đơn: Tại các danh sách hụi thể hiện tên "Dì 8 Quyên" và tại biên bản xác minh thể hiện "Dì 8 Quyên" là bà Nguyễn Thị Q nên nguyên đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Q là phù hợp quy định theo khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn Nguyễn Thị Q vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 tiếp tục xét xử vắng mặt bà Q.

- Về nghĩa vụ chứng minh: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

- Tại phiên tòa, phía nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn rút lại số tiền vay 20.000.000 đồng và số tiền nợ hụi 26.000.000 đồng đối với dây hụi ngày 24/10/2023, xét đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ giải quyết khởi kiện đối với các yêu cầu này, chị T được quyền khởi kiện lại.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ vay và tiền nợ hụi, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường T, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án xác định tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1, Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 và Điều 280, Điều 463, 471 của Bộ luật dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền hụi 8.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn trình bày bị đơn có tham gia dây hụi khui ngày 10/02/2023 âm lịch do nguyên đơn làm chủ hụi, đã hốt hụi nhưng không tiếp tục đóng hụi chết, còn nợ 04 kỳ hụi chết với số tiền 8.000.000 đồng.

Xét thấy: Tài liệu trong hồ sơ thể hiện danh sách hụi của dây hụi khui ngày 10/02/2023 (âm lịch) có chữ ký của bị đơn khi nhận tiền hốt hụi. Đây là chứng cứ trực tiếp chứng minh việc bị đơn đã nhận tiền hụi. Lời khai của người làm chứng bà

Lâm Thị Kiều O1 và bà Võ Thị V đều xác nhận bị đơn có tham gia hụi, đã nhận tiền hốt hụi từ nguyên đơn; các lời khai này phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ về thời điểm, số tiền và việc giao nhận tiền. Các chứng cứ nêu trên có sự phù hợp, thống nhất với nhau, đủ cơ sở xác định bị đơn đã tham gia và nhận tiền hụi ở dây hụi này.

Theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 15, 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường, người đã lĩnh hụi có nghĩa vụ tiếp tục góp hụi đầy đủ cho đến khi mãn hụi. Việc bị đơn đã nhận tiền hụi nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết là hành vi vi phạm nghĩa vụ dân sự, làm phát sinh trách nhiệm thanh toán phần hụi còn thiếu.

Bị đơn không có ý kiến phản đối, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ hoặc có thỏa thuận khác. Do đó, có đủ căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hụi 8.000.000 đồng, nên yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Về thời hạn trả: Yêu cầu của nguyên đơn buộc trả ngay sau khi án có hiệu lực là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự (nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn) và không trái với các quy định khác. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 và bà T được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quối hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 15, 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP (về hụi, họ, biêu, phường).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Hồng T.

Buộc bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Hồng T 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngô Thị Hồng T đối với số tiền vay 20.000.000 đồng và số tiền nợ hụi 26.000.000 đồng của dây hụi ngày 24/10/2023.

3. Về án phí:

- Bà Q phải chịu 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại bà T 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006663 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 1;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TAND KHU VỰC 1

TRK050526.TL.QDBA 1550

Trần Thị Thanh Tuyền